

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
KHU VỰC 4 - NGHỆ AN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 125/2026/HNGĐ-ST

Ngày: 04-8-2026

V/v Ly hôn

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 4 - NGHỆ AN**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Lê Thị Hải Yến.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Bà Đỗ Thị Hằng.

2. Bà Hồ Thị Huệ.

**- Thư ký phiên tòa:** Ông Bùi Thế Thắng - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 4 - Nghệ An.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 4 - Nghệ An tham gia phiên tòa:** Bà Nguyễn Mai Anh - Kiểm sát viên.

Ngày 04 tháng 8 năm 2026, tại phòng xử án trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 4 - Nghệ An xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 343/2026/TLST-HNGĐ ngày 07 tháng 7 năm 2026 về “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 410/2026/QĐXXST-HNGĐ ngày 20 tháng 7 năm 2026, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Nguyễn Thị A, sinh năm 1992. CCCD số 042192009098. Nơi cư trú: Thôn B (thôn C cũ), xã L, tỉnh Hà Tĩnh. Vắng mặt (có đơn xin xét xử vắng mặt).

2. *Bị đơn:* Anh Nguyễn Tiến T, sinh năm 1985. CCCD số 040085030732. Nơi cư trú: Thôn B (thôn D cũ) Quỳnh Hoa, xã Q, tỉnh Nghệ An. Vắng mặt (có ý kiến đề nghị xét xử vắng mặt).

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Tại đơn khởi kiện đề ngày 05 tháng 7 năm 2026 và quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Nguyễn Thị A trình bày:* ngày 01/4/2022, chị và anh Nguyễn Tiến T tự nguyện đăng ký kết hôn tại UBND xã Q, huyện Q (nay là xã Q), tỉnh Nghệ An. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống không hạnh phúc, thường xuyên phát sinh mâu thuẫn căng thẳng do bất đồng quan điểm, tính cách. Cả hai đã cố

gắng khắc phục mâu thuẫn nhưng không được, nên sống ly thân từ đầu năm 2023 đến nay. Tình cảm vợ chồng không còn, không thể tiếp tục chung sống nên chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh T. Vợ chồng chưa có con chung, hiện tại chị không mang thai. Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản.

*Bị đơn anh Nguyễn Tiến T vắng mặt.* Tại Biên bản lấy lời khai, anh trình bày thống nhất với chị A về thời gian, điều kiện kết hôn, nguyên nhân mâu thuẫn, thời gian sống ly thân, chưa có con chung. Chị A đề nghị ly hôn, anh đồng ý. Anh không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản. Do điều kiện công việc, anh không đến Tòa án theo giấy báo, giấy triệu tập được, đề nghị Tòa án giải quyết xét xử vắng mặt anh.

*Kết quả xác minh tại Ủy ban nhân dân xã Q:* Nguyên nhân mâu thuẫn giữa chị A, anh T địa phương không biết. Chị A yêu cầu giải quyết ly hôn đề nghị Tòa án xem xét giải quyết theo quy định của pháp luật.

*Kết quả xác minh tại Công an xã Q:* Anh Nguyễn Tiến T đăng ký hộ khẩu tại thôn B Q, xã Q, tỉnh Nghệ An. Anh T đang có mặt tại địa phương.

*Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 4 - Nghệ An phát biểu ý kiến:*

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa đúng quy định của pháp luật. Nguyên đơn chấp hành quy định của pháp luật, có đơn xin vắng mặt. Bị đơn không chấp hành quy định của pháp luật, có ý kiến đề nghị xét xử vắng mặt. Hội đồng xét xử căn cứ vào các Điều 227, 228, 238 Bộ luật Tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt đương sự là đúng quy định.

Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị HĐXX chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Cho chị A được ly hôn anh T. Con chung chưa có. Tài sản không xem xét. Nguyên đơn phải nộp án phí theo quy định của pháp luật.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa, ý kiến Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: vụ án ly hôn, bị đơn cư trú tại thôn B Q, xã Q, tỉnh Nghệ An. Căn cứ khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 4 - Nghệ An.

Về việc xét xử vắng mặt: Nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt, bị đơn

có ý kiến đề nghị giải quyết, xét xử vắng mặt. Căn cứ vào các Điều 227, 228, 238 Bộ luật Tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt đương sự.

[2] Về nội dung:

Quan hệ hôn nhân: Hôn nhân giữa chị A, anh T là hợp pháp, tuân thủ điều kiện pháp luật quy định. Các bên trình bày thống nhất về nguyên nhân mâu thuẫn, thời gian sống ly thân, xác nhận tình cảm vợ chồng không còn. Tòa án tiến hành hòa giải tạo điều kiện cho vợ chồng đoàn tụ nhưng anh T không đến. Chị A đề nghị Tòa án giải quyết ly hôn, anh T đồng ý. Điều đó chứng tỏ mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, đời sống chung đã chấm dứt, mục đích hôn nhân không đạt được nên áp dụng Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình xử cho chị A được ly hôn anh T.

Con chung: Chưa có.

Về tài sản: Không ai yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

Về án phí: Nguyên đơn phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định pháp luật.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ: các Điều 51, 56 Luật Hôn nhân và gia đình; các Điều 28, 35, 39, 147, 227, 228, 238, 271 và khoản 1 Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

1. Về quan hệ hôn nhân: cho chị Nguyễn Thị A được ly hôn anh Nguyễn Tiến T

2. Về con chung: chưa có.

3. Về tài sản: không xem xét.

4. Về án phí: Nguyên đơn chị Nguyễn Thị A phải chịu 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp tại Thi hành án dân sự tỉnh Nghệ An theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0000133 ngày 06/7/2026.

5. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo bản án lên Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận

được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

***Nơi nhận:***

- TAND tỉnh Nghệ An;
- VKSND khu vực 4 - Nghệ An;
- THADS tỉnh Nghệ An;
- UBND xã Quỳnh Sơn (nơi ĐKKH 2022);
- Đương sự;
- Lưu HS, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Lê Thị Hải Yến**